

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững
giai đoạn 2023 – 2030 của Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/N-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định quản lý rừng bền vững;

B

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 2090/QĐ-UB-TC ngày 12 tháng 6 năm 2003 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Tổng đội 8 TNXP- XDKT Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 455-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ban Chấp hành Đoàn tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi tên gọi các đơn vị thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 455-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm của Tỉnh đoàn Nghệ An về việc được đổi tên Tổng đội 8 TNXP - XDKT Nghệ An thành Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 95/BCTĐ-SNN-KL ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Phương án Quản lý rừng bền vững Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An giai đoạn 2023 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2023 - 2030 của Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Tên Phương án: Phương án Quản lý rừng bền vững của Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An, giai đoạn 2023 - 2030 (Sau đây gọi tắt là Phương án).

2. Tên chủ rừng: Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Bản Trung Tâm, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

B

4. Diện tích đất và phạm vi xây dựng Phương án

a) Tổng diện tích quản lý là 8.619,73 ha, (Diện tích có rừng 5.401,85 ha; đất chưa có rừng 3.217,88 ha), gồm 16 tiểu khu phân bố trên địa bàn hành chính xã Huồi Tụ và xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Phía Bắc giáp xã Bắc Lý và xã Mỹ Lý; phía Đông giáp xã Phà Đánh và xã Hữu Lập; phía Tây giáp xã Bảo Nam; phía Nam giáp xã Na Loi và xã Đoọc Mạy, cụ thể:

- Đất quy hoạch rừng phòng hộ 4.248,39 ha, trong đó đất có rừng 2.833,62 ha; đất chưa có rừng 1.414,77 ha.

- Đất quy hoạch rừng sản xuất 2.385,01 ha, trong đó đất có rừng 1.464,42 ha; đất chưa có rừng 920,59 ha.

- Đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp 1.986,33 ha, trong đó đất có rừng 1.103,81 ha; đất khác 882,52 ha.

b) Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

TT	Đơn vị hành chính	Tổng cộng (ha)	Đất Nông nghiệp (ha)				Đất phi nông nghiệp (ha)
			Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp		Đất nông nghiệp khác	
				Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ		
	Tổng	8.619,73	30,00	2.385,01	4.248,39	1.953,80	2,53
1	Xã Huồi Tụ	5.263,54	30,00	1.190,50	3.206,73	833,78	2,53
2	Xã Mường Lống	3.356,19		1.194,51	1.041,66	1.120,02	

5. Diện tích hiện trạng các loại rừng

a) Tổng diện tích hiện trạng các loại rừng hiện có: 5.401,85 ha, cụ thể:

TT	Hiện trạng	Mã	Tổng	Rừng phòng hộ đầu nguồn (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đất rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (ha)
I	Rừng phân theo nguồn gốc hình thành	1100	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
1	Rừng tự nhiên	1110	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
	- Rừng thứ sinh	1112	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
II	Rừng phân theo điều kiện lập địa	1200	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
1	Rừng trên núi đất	1210	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
III	Rừng phân theo loài cây	1300	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	3.506,52	1.703,36	1.066,67	736,49
	Rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá	1311	3.506,52	1.703,36	1.066,67	736,49
2	Rừng tre nứa	1320	140,59	43,10	64,52	32,97
	- Nứa	1321	140,59	43,10	64,52	32,97
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330	1.754,74	1.087,16	333,23	334,35

TT	Hiện trạng	Mã	Tổng	Rừng phòng hộ đầu nguồn (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đất rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (ha)
	- Gỗ - Tre nửa	1331	1.117,59	597,97	310,81	208,81
	- Tre nửa - Gỗ	1332	637,15	489,19	22,42	125,54
IV	Rừng gỗ tự nhiên phân theo trữ lượng	1400	5.401,85	2.833,62	1.464,42	1.103,81
1	Rừng nghèo	1430	1.608,55	931,87	384,70	291,98
2	Rừng nghèo kiệt	1440	701,62	512,16	47,58	141,88
3	Rừng chưa có trữ lượng	1450	3.091,68	1.389,59	1.032,14	669,95

b) Đặc điểm hiện trạng các loại rừng:

- Rừng tự nhiên: Kiểu hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, có độ đa dạng sinh học tương đối cao, tổ thành loài phong phú, có các loài quý hiếm, ưu tiên bảo vệ như: Trường, Đinh hương, Nghiến, Kiền kiền,...

- Lâm sản ngoài gỗ: Phong phú và đa dạng về tổ thành loài, phân bố thuần loài hoặc hỗn giao với rừng gỗ, chủ yếu các loài: Giang, nửa, song, mây, các loài cây dược liệu,.... có vai trò quan trọng trong bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế.

- Động vật rừng: Hệ động vật rừng mang đặc trưng rừng mưa nhiệt đới. Hiện nay, ghi nhận một số loài động vật đã được phát hiện gần đây, như: Cây hương, Mèo rừng, Chồn bay,... cần ưu tiên bảo vệ.

6. Đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội

- Dân số: Diện tích đất lâm nghiệp của Tổng đội nằm trên địa giới hành chính 2 xã: Huồi Tụ và Mường Lống. Dân số 15.916 khẩu, với 3.892 hộ, với 4 dân tộc sinh sống; với thành phần dân tộc Mông chiếm 97,8%, dân tộc Thái chiếm 0,9%; dân tộc Khơ Mú chiếm 0,3%; dân tộc Kinh chiếm 1,0%. Toàn vùng có 8.500 lao động chiếm 53,4% dân số. Trong đó: có 4.350 lao động là nữ, chiếm 51,1%, có 4.150 lao động nam chiếm 48,9%. Chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

- Kinh tế - xã hội: Tình hình phát triển kinh tế cơ bản ổn định, nông dân, đội viên cơ bản chú trọng sản xuất nông nghiệp và biết đến nhiều phương thức phát triển kinh tế, đem lại thu nhập, các mô hình kinh tế tiếp tục được nhân dân triển khai thực hiện có hiệu quả và mang lại thu nhập ổn định.

- Du lịch sinh thái: Hiện chưa phát huy được tiềm năng và đang còn mang tính tự phát; cần phát huy điểm du lịch Cổng Trời (xã Mường Lống) gắn liền với bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Mông, Thái, Khơ Mú

- Hệ thống giao thông đường bộ: Cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại nhưng nhìn chung còn khó khăn, hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa của người dân, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác tuần tra quản lý

bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, thuận lợi, hiệu quả hơn...; nông sản, lâm sản ngoài gỗ sau khai thác dễ dàng vận chuyển đi tiêu thụ.

7. Một số dự án, chương trình đã đầu tư trên địa bàn

Giai đoạn 2010 – 2022, Tổng đội đã triển khai thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư, như: Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020, giai đoạn 2021-2025; Dự án bảo vệ và phát triển rừng bảo vệ rừng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; Chi trả dịch vụ môi trường rừng và một số chương trình, dự án khác.

8. Bộ máy hoạt động hiện nay của Tổng đội.

- Lãnh đạo đơn vị (02 người) và 02 bộ phận chuyên môn. Tổng số 05 cán bộ, viên chức hưởng lương ngân sách Nhà nước; 4 người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tự trang trải từ ngân sách bảo vệ rừng của đơn vị.

- Vị trí và diện tích giao quản lý, bảo vệ cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Vị trí quản lý		Diện tích quản lý (ha)		
		Tiểu khu	Xã	Quy hoạch phòng hộ	Quy hoạch sản xuất	Đất khác
1	Tổ Quản lý bảo vệ rừng	387, 388, 90, 391, 397, 398, 99, 404, 405, 06, 408	Huồi Tụ	3.206,73	1.190,50	866,31
2	Tổ Quản lý bảo vệ rừng	392, 400, 401, 409, 410	Mường Lống	1.041,66	1.194,51	1.120,02
Tổng cộng		16			2.385,01	1.986,33

II. Nội dung chính của Phương án

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Để Tổng đội chủ động triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững, ổn định đối với 8.619,73 ha đất và rừng; thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan. Phát huy tốt các giá trị đa dạng sinh học và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển về lâm nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh-quốc phòng trên địa bàn.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đối với rừng phòng hộ

+ Về môi trường: Quản lý bảo vệ tốt (2.833,62 ha) rừng tự nhiên phòng hộ để sử dụng theo đúng chức năng được quy hoạch. Duy trì và nâng tỷ lệ che phủ của rừng qua các năm. Góp phần điều tiết nguồn nước, hạn chế tối đa lũ

quét, lũ ống, sạt lở, bồi lấp sông suối, hệ thống thủy lợi, bảo vệ các công trình hạ tầng, dân cư và đồng ruộng và hồ đập trên địa bàn; bảo vệ môi trường sinh thái, làm tốt công tác quản lý phòng cháy chữa cháy rừng; góp phần ứng phó tốt với biến đổi khí hậu toàn cầu; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật rừng, thực vật rừng.

+ Về xã hội: Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hội viên và thành viên Tổng đội thông qua các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng; ổn định sinh kế người dân sống gần rừng; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp kết hợp du lịch sinh thái cảnh quan.

+ Về kinh tế: Xây dựng nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động du lịch sinh thái, thuê môi trường rừng, lâm sản ngoài gỗ, trữ lượng các-bon rừng. Góp phần ổn định thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị, các hộ gia đình, cá nhân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, khai thác lâm sản ngoài gỗ khác theo quy định. Triển khai thực hiện trồng được liệu dưới tán rừng.

- Đối với rừng sản xuất

+ Về kinh tế: Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 2.568,23 ha rừng hiện có theo đúng chức năng được quy hoạch và kế hoạch xúc tiến tái sinh tự nhiên: 1.621,66 ha. Xây dựng và phát triển các mô hình trồng cây được liệu dưới tán rừng tự nhiên. Xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng lâm sinh nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp phục vụ dân sinh.

+ Về môi trường: Quản lý bảo vệ tốt (2.568,23 ha) rừng tự nhiên theo đúng chức năng được quy hoạch. Duy trì và từng bước nâng diện tích rừng được bảo vệ, tăng tỷ lệ che phủ của rừng qua các năm; góp phần bảo vệ và gìn giữ môi trường, giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường. Phát huy tối đa chức năng của rừng như bảo vệ đất đai, bảo vệ nguồn nước; hạn chế xói mòn đất, rửa trôi đất, hạn chế thiên tai lũ lụt, hạn hán; bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Về xã hội: Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hội viên và thành viên Tổng đội; đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức về bảo vệ, phát triển, sử dụng và quản lý rừng bền vững; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp.

2. Nhiệm vụ chính của Phương án giai đoạn 2023 – 2030

a) Kế hoạch sử dụng đất

- Rà soát, điều chỉnh ranh giới, loại đất, loại rừng đối với diện tích (4.248,39 ha) đất quy hoạch rừng phòng hộ: Cơ bản giữ ổn định diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ theo đúng quy định.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ranh giới, loại đất, loại rừng và chủ quản lý đối với (4.338,81 ha) đất quy hoạch rừng sản xuất: Giữ ổn định đất quy

hoạch rừng sản xuất và chuyển vào một số diện tích từ đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ đề nghị trích đo địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổ chức cắm mốc ranh giới để thiết lập lâm phần quản lý rừng bền vững thời gian thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2030.

b) Kế hoạch giao khoán, quản lý bảo vệ rừng

- Bố trí đội Quản lý bảo vệ rừng trực thuộc Tổng đội và giao khoán cho các hộ gia đình trực tiếp quản lý bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học đối với diện tích (5.401,85 ha) rừng tự nhiên hiện có (rừng phòng hộ: 2.833,62 ha; rừng sản xuất: 2.568,23 ha) theo quy chế quản lý các loại rừng và quy định của Luật Lâm nghiệp.

- Tổ chức khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (2.894,84 ha đất trống (DT2)) đủ điều kiện, theo phương thức: Khoán công việc, dịch vụ cho cán bộ viên chức, người lao động của đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp tại địa phương theo quy định hiện hành của pháp luật.

TT	Xã/Tiểu khu	Tổng cộng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)		Rừng sản xuất (ha)	
			Tổng	Rừng tự nhiên	Tổng	Rừng tự nhiên
TỔNG CỘNG		5.401,85	2.833,62	2.833,62	2.568,23	2.568,23
1	Huồi Tụ	3.550,56	2.018,40	2.018,40	1.532,16	1.532,16
	387	96,08	86,72	86,72	9,36	9,36
	388	88,84	76,02	76,02	12,82	12,82
	390	339,68	244,4	244,4	95,28	95,28
	391	687,61	385,16	385,16	302,45	302,45
	397	344,81	241,02	241,02	103,79	103,79
	398	550,79	439,36	439,36	111,43	111,43
	399	713,76	141,08	141,08	572,68	572,68
	404	0,63			0,63	0,63
	405	271,88	97,25	97,25	174,63	174,63
	408	456,48	307,39	307,39	149,09	149,09
2	Mường Lống	1.851,29	815,22	815,22	1.036,07	1.036,07
	392	248,34			248,34	248,34
	400	171,31			171,31	171,31
	401	333,14			333,14	333,14
	409	682,54	462,41	462,41	220,13	220,13
	410	415,96	352,81	352,81	63,15	63,15

d) Kế hoạch phát triển rừng

- Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 1.273,18 ha tại các tiểu khu 387, 388, 390, 391, 397, 398, 399, 404, 405, 406, 408, 409, 410 của xã Huồi Tụ và xã Mường Lống.

✓

- Kế hoạch phát triển rừng sản xuất: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 1.621,66 ha tại các tiểu khu 387, 388, 390, 391, 397, 398, 399, 404, 405, 406, 408, 409, 392, 400, 401 của xã Huồi Tụ và xã Mường Lống.

e) Các hoạt động liên quan đến kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững

- Xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ rừng, tập trung vào chống khai thác lâm sản, khoáng sản, chống chặt phá, xâm lấn đất rừng và săn bắt động vật rừng trái phép.

- Xây dựng Phương án phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm trên toàn bộ diện tích được giao quản lý và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng.

- Thực hiện công tác phòng trừ sâu, bệnh hại rừng đúng theo quy trình hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành.

f) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng

- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc của Tổng đội và Đội quản lý bảo vệ rừng.

- Khảo sát, xây dựng các công trình phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (chòi canh lửa, đường ranh cản lửa, đập chứa nước...).

- Duy tu bảo dưỡng đường lâm nghiệp sẵn có.

- Rà soát, xây dựng bổ sung bảng bảo vệ rừng, biển báo cấp độ nguy cơ cháy rừng tại các vị trí xung yếu và có nhiều người qua lại, trong đó ưu tiên các vùng trọng điểm cháy.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tổ chức tôn tạo và cắm mốc ranh giới để thiết lập lâm phần quản lý rừng bền vững.

g) Hoạt động sản xuất, dịch vụ

- Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng (REED+)"; trồng cây dược liệu dưới tán rừng, chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật lâm sinh; khai thác, mua bán, bao tiêu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ,...

- Liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuê môi trường rừng đầu tư trồng cây dược liệu dưới tán rừng; phát triển du lịch sinh thái tại xã Mường Lống và vùng lân cận.

- Sản xuất nông, lâm kết hợp, phát triển kinh tế rừng, kinh tế trang trại tại Đội bảo vệ rừng, hộ gia đình để cải thiện đời sống cho người lao động, hội viên.

h) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tổ chức công tác tuyên truyền rộng rãi đến người dân, bằng nhiều hình thức về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vai trò của công tác quản lý bảo vệ rừng và các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường để

B

nâng cao ý thức bảo vệ rừng của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

- Hỗ trợ, thúc đẩy người dân các thôn tham gia xây dựng và thực hiện quy ước quản lý bảo vệ rừng bền vững. Thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích từ rừng với cộng đồng bản địa trong sử dụng rừng, bảo đảm quyền sử dụng rừng trong kế hoạch quản lý rừng bền vững của Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An.

i) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng:

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp hiện hành và các Nghị định, các Thông tư hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, đảm bảo tài nguyên rừng luôn được theo dõi, cập nhật làm cơ sở để định hướng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám,... trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và triển khai các hoạt động lâm sinh trong công tác lâm nghiệp.

3. Dự kiến nhu cầu, nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2023 - 2030

a) Tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện Phương án giai đoạn 2023 - 2030 là: 130.245,654 triệu đồng (*Một trăm ba mươi tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*), trong đó:

- Kinh phí sự nghiệp thường xuyên: 11.274,640 triệu đồng
- Quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng: 103.902,57 triệu đồng.
- Xây dựng, tu sửa, nâng cấp cơ sở hạ tầng: 1.522,53 triệu đồng.
- Mua sắm trang thiết bị, phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng: 563,50 triệu đồng.
- Tuyên truyền, tập huấn, nghiên cứu khoa học: 2.560,00 triệu đồng.
- Theo dõi diễn biến, kiểm kê rừng Phòng cháy chữa cháy rừng: 1.550,00 triệu đồng.

- b) Dự kiến nguồn vốn đầu tư

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (theo khả năng cân đối hàng năm của ngân sách tỉnh và nguồn đầu tư của Trung ương cho các hoạt động quản lý, bảo vệ phát triển rừng) và các chương trình, dự án lâm nghiệp,...

- Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tổ chức, nguồn nhân lực

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của tổ chức bộ máy hiện có, gồm: Ban Lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và Đội Quản lý bảo vệ rừng.

- Sử dụng, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên ngành đáp ứng tốt với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

3

- Thực hiện tốt việc bố trí hợp lý tổ chức bộ máy quản lý khoa học, theo đề án cải cách quản lý bộ máy hành chính các Tổng đội của Tỉnh đoàn Nghệ An.

b) Giải pháp về phối kết hợp

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cộng đồng dân cư về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, săn bắn bẫy bắt động vật hoang dã, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép.

- Xây dựng và ký kết quy chế phối hợp với các đơn vị liên quan như: UBND 2 xã (Huồi Tụ, Mường Lống); Hạt Kiểm lâm; Ban Quản lý rừng phòng hộ Kỳ Sơn, Công ty Cổ phần dược liệu Mường Lống. Phối, kết hợp tuần tra chung và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm các quy định về Luật Lâm nghiệp.

- Phối hợp với các bên liên quan trong quảng bá, thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái.

c) Giải pháp về nguồn vốn, huy động vốn đầu tư

- Căn cứ nguồn vốn sự nghiệp cấp hàng năm, để xây dựng kế hoạch, phương án sử dụng nguồn vốn hợp lý. Ưu tiên các nhiệm vụ trọng điểm, cấp thiết như bảo vệ rừng có nguy cơ cháy rừng và xâm hại rừng.

- Kêu gọi, thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án để tập trung nguồn lực cho đầu tư bảo vệ rừng, phát triển rừng bền vững, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ, tạo sinh kế cho người dân, hộ nhận khoán phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân trên địa bàn.

- Sử dụng nguồn vốn đầu tư của các hộ nhận khoán và cộng đồng để bảo vệ và phát triển rừng.

d) Giải pháp về Khoa học và Công nghệ

- Thường xuyên cập nhật và nâng cấp các hệ thống phần mềm lâm nghiệp, công nghệ viễn thám theo dõi rừng của cả nước để phục vụ quản lý bảo vệ rừng và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng hàng năm.

- Mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và ứng dụng các thiết bị mới trong công tác văn phòng đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc.

e) Giải pháp về quy trình thực hiện

- Đối với kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng:

+ Tiếp tục phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn và đội quản lý bảo vệ rừng trong công tác quản lý bảo vệ rừng và sản xuất lâm nghiệp.

+ Lập và phê duyệt hồ sơ theo quy định; giao nhiệm vụ bảo vệ rừng phòng hộ cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thông qua hợp đồng giao, khoán hàng năm.

+ Thường xuyên tuần tra bảo vệ chống khai thác, chặt phá rừng, xâm lấn đất rừng trái phép; phòng chống cháy rừng, xây dựng hệ thống băng tuyên truyền, hệ thống biển báo, chòi canh lửa, đường băng cản lửa ở khu vực rừng trọng điểm.

+ Thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật mới cho lực lượng bảo vệ rừng để có đủ trình độ nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Tổ chức nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các lực lượng bảo vệ rừng, xem xét thanh toán theo kết quả thực hiện được.

- Đối với kế hoạch phát triển rừng: Thực hiện khoán công việc, hoặc khoán ổn định cho lực lượng lao động của đơn vị và lao động trên địa bàn để thực hiện các nội dung công việc liên quan đến hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên theo quy định.

- Đối với kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng: Hàng năm xây dựng Phương án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

g) Giải pháp về đất đai

- Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành trích đo, lập bản đồ địa chính toàn bộ diện tích đất giao cho Tổng đội quản lý và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên toàn bộ diện tích của Tổng đội theo quy định.

- Thực hiện hoàn chỉnh công tác xây dựng bản đồ điều chỉnh ranh giới quy hoạch 3 loại rừng, làm cơ sở tích hợp vào bản đồ quy hoạch tỉnh và quy hoạch cấp Quốc gia.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An

- Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2023 - 2030 theo đúng các nội dung được phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Hàng năm và cả giai đoạn xây dựng kế hoạch, hạch toán, huy động các nguồn vốn để triển khai thực hiện phương án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Đối với các hạng mục, công trình cụ thể phải có chủ trương, lập và xây dựng hồ sơ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

- Hoàn thiện giải quyết các khu vực có tranh chấp, khu vực có ranh giới chưa rõ ràng để điều chỉnh, bổ sung Phương án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An tổ chức thực hiện phương án theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

3

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét về kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể hàng năm và cả giai đoạn, tham mưu UBND tỉnh bố trí, hỗ trợ các nguồn kinh phí trong khả năng bố trí ngân sách của Nhà nước và các chính sách khác để Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An triển khai thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2023 - 2030 đạt hiệu quả.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương: Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hàng năm căn cứ vào nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho ngành lâm nghiệp và khả năng cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ, đầu tư để Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An thực hiện Phương án theo đúng quy định.

4. UBND huyện Kỳ Sơn: Thực hiện quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật, chỉ đạo, giám sát Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An thực hiện các nội dung phương án được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Bí thư Tỉnh đoàn; Tổng đội trưởng Tổng đội Thanh niên xung phong 8 Nghệ An; Chủ tịch UBND huyện Kỳ Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHC công tỉnh;
- Phòng NN VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (D.Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2144 /UBND-CN

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2023

V/v xin ý kiến phương án thiết kế cầu
Cửa Tiền 3 (đoạn qua kênh Nhà Lê),
thuộc dự án Đường Trần Hưng Đạo
kéo dài (đoạn từ đường Đặng Thái
Thân đến đường Hồ Hữu Nhân) thành
phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Trần Hưng Đạo kéo dài (đoạn từ đường Đặng Thái Thân đến đường Hồ Hữu Nhung), thành phố Vinh được Hội đồng nhân dân thành phố Vinh quyết định chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 và được UBND thành phố Vinh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 5646/QĐ-UBND ngày 30/11/2022. Trong đó, hạng mục công trình cầu Cửa Tiền 3 bắc qua kênh nhà Lê (sông Vinh) tại Km 4+970 thuộc địa phận phường Vinh Tân và phường Cửa Nam, thành phố Vinh; Vị trí xây dựng cách Cầu Cửa Tiền 2 (Km4+770) về phía thượng lưu khoảng 200m. Hiện trạng hai bên bờ sông là bờ đất chưa được gia cố, bề rộng đáy sông = 21.50m, bề rộng mặt sông = 32.50m.

Căn cứ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật công trình, di sản văn hóa quốc gia, quy hoạch đô thị, đề điều, tiêu thoát lũ và các quy định pháp luật khác có liên quan đối với việc thực hiện dự án; phù hợp, đảm bảo đồng bộ kỹ thuật, thống nhất và hài hòa với tổng thể kiến trúc. Cầu Cửa Tiền 3 được thiết kế với quy mô như sau:

Cầu bê tông cốt thép vĩnh cửu theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 - Thiết kế cầu đường bộ. Tải trọng HL92. Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}} = 9,5 + 16,0 + 9,5 = 35,0\text{m}$. Trong đó: Chiều rộng mặt đường xe chạy: 16,0m; Lan can và vỉa hè người đi bộ: $2 \times 9,5 = 19,0\text{m}$. Cầu chia làm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng: $B = 17,5\text{m}$; xử lý mỗi nối mặt cầu 2 đơn nguyên bằng thép bản. Sơ đồ nhịp: Cầu vòm theo sơ đồ: $1 \times 42,0\text{m}$; chiều dài cầu tính đến đuôi móng $L_{\text{cầu}} = 55,0\text{m}$. Tim cầu chéo dòng chảy 80° . Khổ thông thuyền tĩnh không $(B \times H) = (15 \times 2,8)\text{m}$ để đảm bảo phù hợp với quy hoạch cao độ đô thị phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Cửa Nam, phường Vinh Tân đã được UBND tỉnh phê duyệt và đồng bộ với tình hình hiện trạng một số cầu trên kênh nhà Lê (cầu Tân Phụng (20x3,5)m, cầu Cửa Tiền 1 (20x3)m, cầu Cửa Tiền

2 (10x2,7)m; cầu Chợ Già (10x3,5m); cầu Vạn Tăng (10x2,7m),) và đảm bảo an toàn giao thông đường lên, xuống hai đầu cầu.

Về quy mô thiết kế cầu đã được Bộ Văn hóa và Thể thao cho ý kiến tại Văn bản số 708/BVHTTDL-DSVH ngày 02/3/2023; Sở NN&PTNT Nghệ An cho ý kiến tại Văn bản số 719/SNN-TL ngày 07/3/2023 và Sở GTVT Nghệ An cho ý kiến tại Văn bản số 3923/SGTVT-QLCL ngày 21/11/2022.

Kênh nhà Lê là tuyến đường thủy nội địa quốc gia có cấp kỹ thuật cấp V (hạn chế) theo quyết định số 4436/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa. Để đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, quản lý hoạt động đường thủy nội địa, di sản văn hóa quốc gia, quy hoạch đô thị tại khu vực xây dựng cầu và các quy định pháp luật khác có liên quan đối với việc thực hiện dự án; phù hợp, đảm bảo đồng bộ kỹ thuật và hài hòa với tổng thể kiến trúc các công trình cầu bắc qua kênh nhà Lê trên địa bàn thành phố Vinh, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, cho ý kiến về phương án thiết kế cầu Cửa Tiền 3 nêu trên để UBND thành phố Vinh (chủ đầu tư) thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT TT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở GTVT;
- UBND thành phố Vinh;
- Lưu VT, CN (H.Tuấn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh